

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Hồng Trang.
2. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng T - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Phạm Hồng T cưới nhau tháng 6/1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An ngày 07/6/2002. Quá trình sống chung bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng gay gắt về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện bà và ông T đã ly thân từ tháng 4/2013 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Phạm Như T1, sinh ngày 06/6/2002 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 24/01/2004, hiện các con chung đang sống với bà.

Khi ly hôn nếu từng con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hồng T vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Hồng T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà K theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Ông Phạm Hồng T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Hồng T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà K Hội đồng xét xử nhận định: Bà K và ông T không ai cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, bà K cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng gay gắt về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã; qua lời trình bày của bà K Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc bà K yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi của bà K, Hội đồng xét xử nhận định; con chung Phạm Như T1, sinh ngày 06/6/2002 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 24/01/2004 có nguyện vọng sống chung bà K, từ khi bà K và ông T sống ly thân (tháng 4/2013) đến nay, con chung do bà K trực tiếp nuôi dưỡng, nhằm tránh sự thay đổi về tâm lý của con chung nên giao cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Xét việc bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[8] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà K trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị K được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Như T1, sinh ngày 06/6/2002 và Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 24/01/2004, hiện hai con chung đang sống với bà K. Ông Phạm Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà K và ông T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0007935 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện Z (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Trang - Phạm Thị Châu Hoàng

Trần Thị Gái